

ĐỀ THI ĐỀ XUẤT THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9
NĂM HỌC 2010 -2011
MÔN THI :ĐỊA LÝ
(Thời gian 150 phút)

Họ và tên : Phạm Thị Ngọc
Đơn vị : Trường THCS Hà Châu

Đề bài

Câu 1.(4 điểm) Cho bảng số liệu sau.

DIỆN TÍCH RỪNG NƯỚC TA NĂM 2000 (đv :nghìn ha)

Tổng cộng	Rừng sản xuất	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng
11573,0	4733,0	5397,5	1442,5

a, Hãy nhận xét cơ cấu các loại rừng ở nước ta.

b, Nêu ý nghĩa của các loại rừng.

Câu 2 (4 điểm) : Nước ta có mấy mùa khí hậu?
Nêu đặc trưng khí hậu từng mùa ở nước ta?

Câu 3 (6 điểm) Đồng bằng Sông Hồng là vùng có vị trí địa lý thuận lợi, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. Là vùng có dân cư đông đúc, nguồn lao động dồi dào.

Bằng kiến thức địa lý đã học, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Câu 4: (6 điểm) Cho bảng số liệu sau
DÂN SỐ VÀ TỐC ĐỘ TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA

Năm	Tổng số dân (triệu người)	Số dân thành thị (triệu người)	Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên(%)
1995	72,0	14,9	1,65
1996	73.1	15,4	1,61
1999	76,6	18,0	1,51
2002	79,7,	20,0	1,32
2006	84,2	22,8	1,26

a, Hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình phát triển dân số của nước ta trong giai đoạn 1995- 2006.

b, Từ biểu đồ đã vẽ hãy nhận xét và giải thích tình hình phát triển dân số nước ta.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU CHẤM

Câu	Nội dung cần đạt	Biểu điểm								
Câu 1 (4 điểm)	<p>Xử lý số liệu ra % Cơ cấu diện tích các loại rừng ở nước ta năm 2000 ĐV:%</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin: 10px 0;"> <thead> <tr> <th style="width: 25%;">Tổng cộng</th> <th style="width: 25%;">Rừng sản xuất</th> <th style="width: 25%;">Rừng phòng hộ</th> <th style="width: 25%;">Rừng đặc dụng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">100</td> <td style="text-align: center;">40,9</td> <td style="text-align: center;">46,6</td> <td style="text-align: center;">12,5</td> </tr> </tbody> </table>	Tổng cộng	Rừng sản xuất	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	100	40,9	46,6	12,5	0,75 điểm
	Tổng cộng	Rừng sản xuất	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng						
	100	40,9	46,6	12,5						
	<p>a, Nhận xét: Tỷ trọng các loại rừng có sự khác nhau: - Rừng phòng hộ chiếm tỷ trọng cao nhất(46,6%),rừng sản xuất chiếm tỷ trọng thứ hai (40,9%) và thấp nhất là rừng đặc dụng (12,5%)</p>	1.0(điểm)								
	<p>b,ý nghĩa của từng loại rừng - Rừng sản xuất cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến gỗ và xuất khẩu.Việc trồng rừng nguyên liệu giấy đem lại việc làm và thu nhập cho người dân.</p>	0,75 điểm								
<p>- Rừng phòng hộ là các khu rừng đầu nguồn các con sông ngăn lũ,hạn chế xói mòn , các cánh rừng chắn cát bay dọc theo dải ven biển miền trung,các dải rừng ngập mặn ven biển.</p>	0,75 điểm									
<p>- Rừng đặc dụng đó là các vườn quốc gia,các khu dự trữ thiên nhiên ,nơi nghiên cứu khoa học,du lịch,môi trường như: Cúc Phương,Ba Vì,Cát tiên,Bến en.....</p>	0,75 điểm									
Câu 2 (4 điểm)	<p>Nước ta có 2 mùa khí hậu: + Mùa gió Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4(mùa Đông) + Mùa gió Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 10(mùa Hạ)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đặc trưng khí hậu mỗi mùa: <p>Mùa Đông : + Là thời kỳ hoạt động mạnh mẽ của gió đông bắc và xen kẽ là những đợt gió đông nam.Trong mùa này thời tiết khí hậu trên các miền của cả nước ta khác nhau rõ rệt. + Miền Bắc đầu mùa đông là tiết thu se lạnh,khô</p>	<p>.</p> <p>0, 5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>								

	<p>hanh.Còn cuối đông là tiết xuân với mưa phùn ẩm ướt.Nhiệt độ nhiều nơi xuống dưới 15⁰C.Miền núi có thể có sương muối sương giá.</p> <p>+ Tây Nguyên và Nam Bộ tiết trời khô nóng.ổn định suốt mùa.</p> <p>+ Duyên Hải Trung Bộ có mưa rất lớn vào các tháng cuối năm.</p> <p>Mùa Hạ:</p> <p>+Là mùa thịnh hành của hướng gió tây Nam Ngoài ra còn có tín phong của nửa cầu bắc vẫn hoạt động xen kẽ thổi theo hướng Đông Nam.</p> <p>+ Nhiệt độ cao trên 25 ⁰C. Lượng mưa trong mùa cũng rất lớn chiếm 80% lượng mưa cả năm, riêng Duyên Hải Trung Bộ mùa này mưa ít.</p> <p>+ Thời tiết phổ biến là trời nhiều mây,có mưa dông đặc biệt có gió tây,mưa ngâu và bão.</p>	<p>0,5 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
<p>Câu 3 (6 điểm)</p>	<p>HS cần nêu được các ý sau:</p> <p>*Vị trí địa lý của vùng ĐBSH:</p> <p>- Bao gồm: +Vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng + Dải đất rìa trung du. + Vịnh Bắc Bộ.</p> <p>- Tiếp giáp:Với Vùng trung du miền núi Bắc bộ,Vùng Bắc trung Bộ,Vịnh Bắc bộ.</p> <p>- Ý nghĩa của vị trí địa lý: Thuận lợi giao lưu kinh tế - xã hội với các vùng trong nước và các nước trên thế giới....</p> <p>*Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.</p> <p>+ Địa hình:Địa hình phổ biến của vùng là đồng bằng. + Đất : Tài nguyên quý giá nhất của vùng là đất phù sa sông Hồng,rất màu mỡ thích hợp cho việc thâm canh lúa nước</p> <p>+ Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh tạo điều kiện thuận cho việc đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.</p>	<p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>

	<p>+ Tài nguyên nước: Phong phú của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình cung cấp nước cho sản xuất và đời sống.</p> <p>+ Khoáng sản: Tài nguyên khoáng sản có giá trị đáng kể là các mỏ đá, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên.</p> <p>+ Tài nguyên biển: Vùng biển giàu tiềm năng với nhiều bãi tôm, bãi cá tạo điều kiện phát triển mạnh nghề nuôi trồng đánh bắt thủy sản.</p> <p>+ Tài nguyên du lịch: Cảnh quan du lịch đa dạng với nhiều bãi tắm nổi tiếng như Đồ Sơn, Cát Bà... Các vườn quốc gia như Cúc Phương, Ba Vì... Thắng cảnh đẹp như Tam Đảo, Tam Cốc, Bích Động... là thế mạnh để phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng....</p> <p>*Đặc điểm dân cư xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số dân: 17,5 triệu người (năm 2002). Mật độ dân số: 1179 người /km² (năm 2002). - Đây là vùng có số dân và mật độ dân số đông nhất cả nước. - Dân số đông tạo ra nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn. Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, có chuyên môn kỹ thuật. 	<p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
<p>Câu 4 (6 điểm)</p>	<p>a, Vẽ biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ kết hợp cột chồng và đường biểu diễn. (Tổng số dân và số dân thành thị vẽ trong một cột, tỷ lệ gia tăng dân số vẽ đường biểu diễn. Biểu đồ gồm 2 trục tung một trục tung biểu thị số dân, một trục tung biểu thị tỷ lệ gia tăng dân số, trục hoành biểu thị số năm)</p> <p>Yêu cầu: vẽ biểu đồ đẹp chính xác, có chú giải khoảng cách năm phù hợp, có tên biểu đồ..</p> <p>Nếu vẽ biểu đồ không chính xác, không có chú giải chỉ cho điểm khuyến khích, nếu thiếu các yếu tố khác mỗi lỗi trừ đi 0,25 điểm</p> <p>Chú ý: Nếu HS vẽ cách khác cũng cho điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu vẽ 3 đường biểu diễn thì cho 1,5 điểm - Nếu vẽ cách khác cho 1 điểm 	<p>2.0 điểm</p>

	<p>b ,Nhận xét:</p> <p>-Dân số nước ta tăng nhanh từ 1995 đến 2006 tăng thêm 12 triệu người. Trung bình mỗi năm tăng thêm 1,1 triệu người.</p> <p>-Số dân thành thị cũng tăng lên mạnh từ 14,9 triệu người năm 1995 lên 22,8 triệu người năm 2006.</p> <p>-Tỷ lệ dân thành thị tuy chưa cao nhưng cũng ngày càng tăng từ 20,7 % năm 1995 lên 27,0 % năm 2006</p> <p>c, Giải thích:</p> <p>-Do dân số đông nên tốc độ tăng dân số có giảm nhưng tổng dân số vẫn tăng nhanh.</p> <p>-Nhờ quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá nên số dân thành thị tăng cả về quy mô và tỷ trọng;</p> <p>-Tỷ lệ gia tăng dân số giảm do thực hiện có kết quả công tác kế hoạch hoá gia đình.</p>	<p>0,75điểm</p> <p>0,5điểm</p> <p>0,75 điểm</p> <p>0,75 điểm</p> <p>0,75 điểm</p> <p>0.5 điểm</p>

Hà châu ,ngày 10 - 11 - 2010

Phạm Thị Ngọc

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2012 – 2013

Môn thi: **ĐỊA LÍ ; LỚP: 9**

Thời gian: *90 phút (không kể thời gian phát đề)*

Đề thi chính thức

Câu 1: (3 điểm)

Hãy cho biết: Khi trái đất chuyển động quay xung quanh mặt trời tại sao lại sinh ra hiện tượng ngày đêm dài, ngắn ở các vĩ độ khác nhau trên trái đất. Giải thích tại sao ở hai miền cực số ngày đêm dài suốt 24 giờ thay đổi theo mùa?

Câu 2. (6 điểm)

Hãy nêu diện tích và giới hạn của vùng biển Việt Nam. Cho biết các ngành kinh tế biển nước ta? Hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa có ý nghĩa như thế nào về mặt kinh tế và xã hội?

Câu 3: (2 điểm)

Nêu những hạn chế của ngành công nghiệp Tây Ninh?

Câu 4: (5 điểm)

Nêu những thành tựu và khó khăn trong sản xuất nông nghiệp của Đồng Bằng Sông Hồng ? Hướng giải quyết những khó khăn đó?

Câu 5: (4 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

Diện tích gieo trồng. Phân theo nhóm cây (nghìn ha)

Các nhóm cây	Năm	
	1990	2002
Tổng số	9040,0	12831,4
Cây lương thực	6474,6	8320,3
Cây công nghiệp	1199,3	2337,3
Cây thực phẩm , cây ăn quả , cây khác	1366,1	2173,8

a. Hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng các nhóm cây. Biểu đồ năm 1990 có bán kính là 20mm; biểu đồ năm 2002 có bán kính là 24 mm.

b. Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ , hãy nhận xét sự thay đổi quy mô diện tích và tỉ trọng diện tích gieo trồng của các nhóm cây.

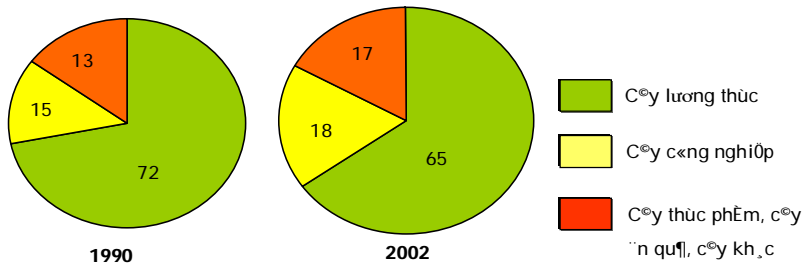
HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN
ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2012 - 2013

Môn thi : ĐỊA LÍ- LỚP 9

Đề thi chính thức

Nội dung	Điểm
<p>Câu 1: (3 điểm)</p> <p>*Nguyên nhân sinh ra hiện tượng ngày đêm dài ngắn ở các vĩ độ khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vào ngày hạ chí (ngày 22 tháng 6) nửa cầu Bắc chúc về phía mặt trời nhiều nhất, nửa cầu Nam ngả về phía đối diện. 0.5 - Đến ngày đông chí (22 tháng 12) thì nửa cầu Nam lại ngả nhiều nhất về phía mặt trời nửa cầu Bắc có hiện tượng ngược lại. 0.5 - Hiện tượng ngày đêm ở các địa điểm có vĩ độ khác nhau, càng xa xích đạo về hai cực càng biểu hiện rõ rệt. 0.5 - Trong hai ngày xuân phân (21 tháng 3) và ngày thu phân (23 tháng 9) hai nửa cầu Bắc và Nam được chiếu sáng như nhau. 0.5 <p>+ Nguyên nhân: khi chuyển động quanh mặt trời ánh sáng mặt trời chỉ chiếu được một nửa trái đất. Trong khi đó trục trái đất luôn luôn nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo một hướng không đổi. 1.0</p>	
<p>Câu 2.(6 điểm)</p> <p>*Diện tích và giới hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông là biển lớn tương đối kín, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á. Có hai Vịnh lớn Vịnh Bắc Bộ và Vịnh Thái Lan. 1.0 - Diện tích vùng Biển Đông 3447000 km² Việt Nam .Chúng ta được quyền khai thác và sử dụng gần 1 triệu km² mặt nước. 1.0 <p>*Tài nguyên biển của nước ta:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác nuôi trồng chế biến hải sản. 0.5 - Du lịch biển đảo. 0.5 - Khai thác và chế biến khoáng sản biển.(muối,cát,các mỏ dầu khí...) 0.5 - Giao thông vận tải biển. 0.5 <p>* Hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa có ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao thông vận tải biển xuất,nhập khẩu hàng hóa mở rộng giao lưu kinh tế - văn hóa với thế giới. 1.0 - Bảo vệ an ninh quốc phòng chủ quyền vùng biển và khai thác kinh tế biển... 1.0 	
<p>Câu 3: (2 điểm)</p> <p>*Hạn chế của ngành công nghiệp Tây Ninh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng trưởng nhanh nhưng chưa vững chắc, chưa sử dụng hết nguồn nguyên liệu nông sản. 0.5 - Chưa có ngành công nghiệp then chốt. 0.5 - Thiếu vốn, chậm đổi mới công nghệ. 0.5 - Sản phẩm chưa đủ sức cạnh tranh, chất lượng lao động công nghiệp 0.5 	
<p>Câu 4: (5điểm)</p>	

<p>*Thành tựu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích và tổng sản lượng lương thực chỉ đứng sau ĐBSCL. - Các loại cây ưa lạnh trong vụ đông đem lại hiệu quả kinh tế lớn (ngô đông, khoai tây, cà rốt). - Đàn lợn có số lượng lớn nhất nước (27,2% năm 2002); chăn nuôi bò sữa, gia cầm đang phát triển mạnh. <p>* Khó khăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích canh tác đang bị thu hẹp do sự mở rộng đất thổ cư và đất chuyên dùng, số lao động dư thừa. - Sự thất thường của thời tiết như: bão, lũ, sương giá. - Nguy cơ ô nhiễm môi trường do sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu không đúng phương pháp, không đúng liều lượng.... <p>* Hướng giải quyết khó khăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. - Chuyển một phần lao động nông nghiệp sang các ngành khác hoặc đi lập nghiệp nơi khác. - Thâm canh, tăng vụ, khai thác ưu thế rau vụ đông. - Hạn chế dùng phân hoá học, sử dụng phân vi sinh, dùng thuốc trừ sâu đúng phương pháp, liều lượng... 	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
<p>Câu 5: (4 điểm)</p> <p>*Lập bảng xử lí số liệu (chuyển từ đơn vị nghìn ha sang tỉ lệ %)</p> <p>Giáo viên hướng dẫn học sinh cách tính tỉ lệ %</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây lương thực = $\frac{6474,6 \times 100}{9040,0} = 71,6$ - Cây công nghiệp = $\frac{119,3 \times 100}{9040,0} = 13,3$ - Cây thực phẩm , cây ăn quả , cây khác = $\frac{1366,1 \times 100}{9040,0} = 15,1$ <p>*Vẽ biểu đồ hình tròn:</p> <p>Vẽ 2 biểu đồ năm 1990 có bán kính 20mm.</p> <p>Năm 2002 có bán kính 24mm</p>	<p>1.0</p>



Bảng 10.1: Diện tích gieo trồng, phân theo nhóm cây (nghìn ha)

2.0

***Nhận xét:**

- + Cây lương thực: diện tích gieo trồng tăng nhưng tỉ trọng lại giảm
 Diện tích : $8320.3 - 6474 = 1845$
 Tỉ trọng: từ 72 giảm xuống 65
- + Cây công nghiệp: diện tích tăng, tỉ trọng tăng

1.0

Câu 1(2 điểm)

- Bản đồ A có tỉ lệ 1:10000 và B có tỉ lệ 1: 100000, bản đồ nào thể hiện các đối tượng địa lí chi tiết hơn? Vì sao?
- Khoảng cách từ Hà Nội đến Hải phòng là 105km. Trên bản đồ Việt Nam, khoảng cách giữa hai thành phố đó đo được 15cm. Vậy bản đồ có tỉ lệ bao nhiêu?

Câu 2 (4 điểm)

Phân tích những thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển của ngành thủy sản nước ta?

Câu 3: (5 điểm)

Tây Nguyên là một trong ba vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta:

- Phân tích các nguồn lực tự nhiên để phát triển cây công nghiệp dài ngày ở vùng?
- Để phát triển mạnh ngành trồng cây công nghiệp của Tây Nguyên cần giải quyết các vấn đề gì?

Câu 4: (5 điểm)

- Phân tích các nguồn lực để Đồng Bằng Sông Hồng trở thành vùng sản xuất cây lương thực lớn thứ hai cả nước?
- Giải thích vì sao sản lượng bình quân lương thực theo đầu người của Đồng Bằng Sông Hồng thấp hơn mức bình quân của cả nước?

Câu 5: (4 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

Tổng giá trị sản phẩm trong nước (theo giá hiện hành)

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	Tổng giá trị sản phẩm		
	Nông-Lâm-Ngư nghiệp	Công nghiệp- Xây dựng	Dịch vụ
1985	47	32	38
1999	101723	137959	160260

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của nước ta trong các năm 1985 và 1999.
- Qua đó hãy nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta?

--- Hết---

Câu	Nội dung	Điểm
1	a. Bản đồ B thể hiện các đối tượng địa lí chi tiết hơn vì tỉ lệ càng lớn thì mức độ chi tiết của bản đồ càng cao. b. Bản đồ có tỉ lệ 1: 700000	1 1
2	Thuận lợi: - Tự nhiên: + Bờ biển dài 3260km và vùng đặc quyền kinh tế rộng khoảng 1 triệu km ² . + Nguồn lợi thủy sản phong phú. + Dọc bờ biển có nhiều bãi triều, đầm phá, hệ thống kênh rạch chằng chịt thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản. - Kinh tế xã hội: + Cơ sở vật chất kĩ thuật không ngừng được cải thiện. + Thị trường tiêu thụ ngày càng được mở rộng. + Nhà nước có nhiều chính sách khuyến ngư. + Nguồn lao động dồi dào có kinh nghiệm nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. * Khó khăn: - Thiên tai: bão, gió mùa Đông Bắc, ... - Tàu thuyền đánh bắt chậm đổi mới. - Tàu thuyền thủy hải sản ngày càng cạn kiệt. - Công nghiệp chế biến hải sản phát triển chậm và chất lượng sản phẩm còn hạn chế.	0.5 0.5 0.5 0.5 0.25 0.25 0.5 0.25 0.25 0.25 0.25
3	a. Các nguồn lực tự nhiên: * Thuận lợi: - Vị trí: thuận lợi giao lưu phát triển kinh tế. - Địa hình: Gồm nhiều cao nguyên xếp tầng, có mặt bằng rộng tạo điều kiện để trồng cây công nghiệp với quy mô lớn. - Đất đai: Đất ba dan màu mỡ, tầng đất dày thích hợp cho nhiều loại cây công nghiệp. - Khí hậu: + Có tính chất cận xích đạo cho phép phát triển các loại cây công	0.5 0.5 0.5 0.5

	<p>nghiệp nhiệt đới và tạo điều kiện tốt cho việc phơi sấy, bảo quản sản phẩm.</p> <p>+ Sự phân hoá khí hậu theo độ cao khiến cơ cấu cây trồng thêm phong phú.</p> <p>-Hệ thống thuỷ văn: khá phát triển là nguồn cung cấp nước và khắc phục sự thiếu nước vào mùa khô.</p> <p>* Khó khăn: Sự phân mùa sâu sắc của khí hậu dẫn tới:</p> <p>- Mùa mưa: gây lũ lụt, xói mòn đất.</p> <p>- Mùa khô: hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng.</p> <p>b. Các vấn đề cần giải quyết:</p> <p>- Đảm bảo tốt nhu cầu lương thực, thực phẩm, tạo điều kiện ổn định diện tích cây công nghiệp.</p> <p>- Giải quyết tốt vấn đề thuỷ lợi.</p> <p>- Phát triển mạng lưới giao thông.</p> <p>- Phát triển các ngành công nghiệp chế biến, tăng cường vốn đầu tư và bổ sung nguồn lao động nhất là lao động có kĩ thuật.</p> <p>- Ngăn chặn nạn phá rừng, đốt rừng lấy đất làm nương rẫy, định canh định cư.</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
4	<p>a. Các nguồn lực để Đồng Bằng Sông Hồng trở thành vùng sản xuất cây lương thực lớn thứ 2 cả nước là:</p> <p>* Nguồn lực tự nhiên:</p> <p>- Thuận lợi:</p> <p>+ Diện tích rộng, địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho việc trồng cây lương thực nhất là cây lúa nước.</p> <p>+ Đất phù sa màu mỡ thích hợp với cây lương thực.</p> <p>+ Nguồn nước phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc.</p> <p>+ Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa thích hợp cho cây trồng và tăng vụ.</p> <p>-Khó khăn: tai biến thiên nhiên, đất bạc màu,...</p> <p>* Nguồn lực kinh tế xã hội:</p> <p>- Thuận lợi:</p> <p>+ Nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm và trình độ thâm canh lúa nước.</p> <p>+Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật vào loại tốt nhất cả nước.</p> <p>+ Có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, là cái nôi của nền văn minh lúa nước.</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>

	<p>+ Có thị trường tiêu thụ và đường lối, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp của đảng và nhà nước.</p> <p>-Khó khăn: Số dân quá đông.</p> <p>b. Giải thích:</p> <p>- Số dân quá đông</p> <p>- Bình quân đất canh tác theo đầu người rất thấp, thấp hơn mức bình quân của cả nước, trong khi khả năng thâm canh có giới hạn.</p> <p>- Khả năng mở rộng diện tích rất hạn chế.</p> <p>- Tốc độ đô thị hoá và công nghiệp hoá nhanh dẫn đến đất canh tác ngày càng giảm.</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
5	<p>a. Xử lí số liệu:</p> <p>- Tính chuyển sang giá trị tương đối (%)</p> <p>- Tính bán kính của hình tròn.</p> <p>b. Vẽ biểu đồ:</p> <p>- Vẽ 2 hình tròn có bán kính khác nhau.</p> <p>- Ghi đầy đủ tên biểu đồ, năm, chú giải.</p> <p>c. Nhận xét:</p> <p>- Cơ cấu ngành kinh tế có sự chuyển dịch từ khu vực sản xuất vật chất Sang khu vực dịch vụ (số liệu)</p> <p>- Trong nội bộ khu vực sản xuất vật chất, có sự chuyển dịch từ khu vực nông lâm ngư nghiệp sang khu vực công nghiệp và xây dựng (số liệu).</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>1.5</p> <p>0.75</p> <p>0.75</p>

UBND TỈNH KON TUM KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH LỚP 9
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2012-2013

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn: **Địa lí**

Ngày thi: **16/3/2013**

Thời gian: **150 phút** (không kể thời gian giao đề)

(Đề thi có 1 trang, gồm 5 câu)

ĐỀ:

Câu 1. (2,5 điểm)

Vì sao khí hậu của nước ta được đánh giá là một dạng tài nguyên?

Câu 2. (4,5 điểm)

- Tại sao nước ta phải thực hiện chính sách phân bố lại dân cư và nguồn lao động?
- Hãy nêu các giải pháp chủ yếu để giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay.

Câu 3. (4,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy trình bày khả năng và tình hình khai thác các ngành kinh tế biển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 4. (4,0 điểm)

Hãy cho biết:

- Việc phát triển ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm ở nước ta có những thuận lợi gì?
- Sự phát triển và phân bố công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta như thế nào?

Câu 5. (5,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta từ năm 1990 đến 2010

(Đơn vị: tỉ đồng)

<i>Nhóm cây trồng</i>	1990	1995	2005	2010
Cây lương thực	33289,6	42110,4	63852,5	72250,0
Cây công nghiệp	6692,3	12149,4	25585,7	33708,3
Cây ăn quả, rau đậu và cây khác	9622,1	11923,6	18459,4	23820,9
Tổng số	49604,0	66183,4	107897,6	129779,2

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

- Vẽ biểu đồ miền thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta trong giai đoạn trên.
- Dựa vào biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét và giải thích.

-----**HẾT**-----

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn: Địa lí
(Bản Hướng dẫn này có 3 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Thí sinh làm bài không theo dàn ý của đáp án nhưng đủ ý thì vẫn cho điểm tối đa của câu.
- Nếu thí sinh không làm bài đầy đủ các ý như đáp án nhưng có những ý trình bày hợp lý, phù hợp với bản chất câu hỏi thì cho điểm thường 0,25 điểm/ý nhưng không được vượt quá tổng điểm của câu.
- Điểm toàn bài là tổng điểm của từng câu, không làm tròn điểm.

II. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM:

Câu	Nội dung	Điểm
1	<p>Khí hậu của nước ta được đánh giá là một dạng tài nguyên vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khí hậu nhiệt đới với nền bức xạ cao, với tổng nhiệt độ hoạt động lớn ... là điều kiện phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới với khả năng xen canh, tăng vụ, gối vụ liên tục, có thể sản xuất nhiều vụ trong năm. - Khí hậu nhiệt đới nên có thể sản xuất được nhiều đặc sản nhiệt đới có giá trị kinh tế cao như: cà phê, cao su, hồ tiêu, điều... rất có giá trị xuất khẩu sang các nước ôn đới. - Khí hậu phân hoá sâu sắc theo mùa, theo độ cao nên có điều kiện phát triển các cây trồng, vật nuôi cận nhiệt ở miền Bắc vào mùa đông và ở vùng núi. - Khí hậu nhiệt đới cho nên nước sông, biển không đóng băng cho phép ta phát triển giao thông thuỷ, đánh bắt, nuôi trồng thuỷ hải sản và du lịch biển quanh năm. - Khí hậu phân hoá rất rõ theo chiều cao cho nên ở các vùng núi cao trên 1000m có kiểu khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới, mát lạnh quanh năm, là những địa bàn rất tốt với phát triển du lịch, nghỉ mát, dưỡng bệnh. 	<p>2,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
2	<p>a. Nước ta phải thực hiện chính sách phân bố lại dân cư và nguồn lao động giữa các vùng vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phân bố dân cư và nguồn lao động của nước ta diễn ra không đồng đều giữa đồng bằng và miền núi (<i>dẫn chứng</i>) - Sự phân bố dân cư không đồng đều giữa thành thị và nông thôn (<i>dẫn chứng</i>) - Sự phân bố dân cư không đều, đã dẫn đến nơi dư thừa lao động nơi thiếu lao động. - Điều này ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên. <p>b. Các giải pháp chủ yếu để giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân bố lại dân cư và nguồn lao động giữa các vùng. -Thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình. - Đa dạng hoá các hoạt động sản xuất kinh tế ở nông thôn - Phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ ở các đô thị . - Đa dạng hoá các loại hình đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn lao động . - Tăng cường mở cửa thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh việc xuất khẩu lao động 	<p>2.5</p> <p>0.75</p> <p>0.75</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>2.0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
3	<p>a. Thế mạnh về phát triển kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Vùng biển rộng, bờ biển dài, đồng thời lại là vùng biển nóng nên có trữ lượng hải sản lớn, có các ngư trường: Ninh Thuận- Bình Thuận, Hoàng Sa- Trường Sa, nên vùng này có nhiều thuận lợi phát triển đánh bắt hải sản. 	<p>2.0</p> <p>0.5</p>

	<p>-Bờ biển rất khúc khuỷu, tạo thành nhiều vũng vịnh kín gió cho phép xây dựng được nhiều cảng biển lớn, phát triển giao thông đường biển; đồng thời phát triển ngành nuôi trồng thủy sản.</p> <p>- Có cảnh quan biển rất hấp dẫn (bờ biển dài, có nhiều núi ăn lan ra biển, đảo ven bờ và hai quần đảo Hoàng Sa- Trường Sa, không có mùa đông), có nhiều bãi tắm đẹp là nguồn tài nguyên để phát triển du lịch biển.</p> <p>- Ven biển có nhiều mỏ cát thủy tinh, ti-tan, các địa điểm thuận lợi cho nghề làm muối.</p> <p>b. Tình hình phát triển đối với các ngành kinh tế biển:</p> <p>- Khai thác và nuôi trồng thủy sản : sản lượng khai thác thủy sản chiếm gần 30% của cả nước. Nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị cao như tôm hùm ở Khánh Hòa, Bình Định. Xuất khẩu với số lượng lớn sản phẩm mực, tôm, cá đông lạnh.</p> <p>- Khai thác và chế biến khoáng sản biển: cát thủy tinh (Khánh Hòa), titan (Bình Định). Phát triển nghề muối (Sa Huỳnh -Quảng Ngãi, Cà Ná- Ninh Thuận).</p> <p>- Giao thông vận tải biển: trong vùng đã có các hải cảng như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Dung Quất, Cam Ranh...đảm nhận được các tuyến vận tải trong nước, quốc tế.</p> <p>- Du lịch biển - đảo: những điểm du lịch đang thu hút một lượng lớn du khách trong nước và quốc tế, đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> + các trung tâm du lịch ven biển: Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang. + các bãi biển đẹp: Non Nước, Nha Trang, Mũi Né... + các vịnh biển đẹp: Vân Phong, Cam Ranh... 	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>2,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>																				
4	<p>a-Thuận lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nguyên liệu từ nông, lâm, ngư nghiệp rất phong phú. - Lực lượng lao động dồi dào và có kinh nghiệm trong chế biến. - Thị trường trong nước lớn: dân đông, nền kinh tế đang phát triển, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của ngành này tăng mạnh. - Các sản phẩm công nghiệp chế biến đã được thị trường thế giới ưa chuộng. - Cơ sở vật chất - kĩ thuật và cơ sở hạ tầng của ngành đang từng bước hoàn thiện. - Nhà nước có chính sách quan tâm đến phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến. <p>b- Ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản. - Thúc đẩy sự phát triển các vùng chuyên canh, các hình thức sản xuất trang trại, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. 	<p>3,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>																				
5	<p>a. Vẽ biểu đồ:</p> <p>- Xử lí bảng số liệu: Cơ cấu giá trị trồng trọt qua các năm: (%)</p> <table border="1" data-bbox="300 1476 1182 1654"> <thead> <tr> <th>Nhóm cây trồng</th> <th>1990</th> <th>1995</th> <th>2005</th> <th>2010</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cây lương thực</td> <td>67,1</td> <td>63,6</td> <td>59,2</td> <td>55,7</td> </tr> <tr> <td>Cây công nghiệp</td> <td>13,5</td> <td>18,4</td> <td>23,7</td> <td>26,0</td> </tr> <tr> <td>Cây ăn quả, rau đậu và cây khác</td> <td>19,4</td> <td>18,0</td> <td>17,1</td> <td>18,3</td> </tr> </tbody> </table> <p>(Nếu học sinh tính sai tỉ lệ thì tùy theo mức độ để cho điểm)</p> <p>- Vẽ biểu đồ : Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chia tỉ lệ, khoảng cách năm và vẽ chính xác; bảng chú thích, tên biểu đồ, số liệu đầy đủ. <p>Chú ý:+ Vẽ thiếu chính xác trừ 0,5 điểm, thiếu tên biểu đồ hoặc chú thích trừ 0,25 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp học sinh tính sai tỉ lệ trong phần xử lí bảng số liệu thì trừ 0,75 điểm trong phần vẽ biểu đồ. 	Nhóm cây trồng	1990	1995	2005	2010	Cây lương thực	67,1	63,6	59,2	55,7	Cây công nghiệp	13,5	18,4	23,7	26,0	Cây ăn quả, rau đậu và cây khác	19,4	18,0	17,1	18,3	<p>2,5</p> <p>1,0</p> <p>1,5</p>
Nhóm cây trồng	1990	1995	2005	2010																		
Cây lương thực	67,1	63,6	59,2	55,7																		
Cây công nghiệp	13,5	18,4	23,7	26,0																		
Cây ăn quả, rau đậu và cây khác	19,4	18,0	17,1	18,3																		

	<p>b- Nhận xét và giải thích:</p> <p>* Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ trọng của các loại cây trồng có sự chênh lệch rất lớn: cây lương thực luôn chiếm cao nhất (dẫn chứng) - Từ năm 1990 đến năm 2010, cơ cấu giá trị ngành trồng trọt có sự chuyển dịch theo hướng: Tỷ trọng cây lương thực và tỷ trọng giá trị các cây khác giảm, tỷ trọng cây công nghiệp tăng nhanh. (dẫn chứng). <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Do có nhiều điều kiện thuận lợi cho ngành trồng cây lương thực, nhu cầu lương thực cho con người và nguyên liệu cho các ngành chế biến trong và ngoài nước rất cao, là ngành truyền thống của nhân dân Việt Nam.... nên tỷ trọng cây lương thực chiếm khá cao. + Ngành nông nghiệp nước ta đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, nhà nước đã đầu tư nhiều hơn vào ngành trồng cây công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến phục vụ trong nước, đặc biệt cho xuất khẩu. Do đó tỷ trọng cây công nghiệp tăng nhanh. + Nhóm cây lương thực, cây ăn quả, rau đậu và các loại cây khác do có mức tăng trưởng chậm hơn mức tăng trưởng của cây công nghiệp nên có tỷ trọng giảm đi. <p><i>Nếu học sinh tính sai tỉ lệ trong phần xử lí bảng số liệu nhưng vẫn nhận xét, giải thích được những ý cơ bản thì phần nhận xét và giải thích chỉ đạt điểm tốt đa không quá 1,25điểm</i></p>	<p>2,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
--	--	--

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÝ

(Hướng dẫn chấm gồm có: 02 trang)

	Nội dung	
Câu 1		3 điểm
	<p>+ Phân bố hoang mạc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hoang mạc trên thế giới thường phân bố ở hai chí tuyến, nơi nằm sâu trong nội địa, nơi có dòng biển lạnh. 0,50 - Hoang mạc nhiệt đới như hoang mạc Xahara. 0,25 - Hoang mạc Gô bi nằm sâu trong nội địa (hoang mạc ôn đới). 0,25 - Hoang mạc Na-mip ở Tây Nam Châu Phi chịu ảnh hưởng dòng biển lạnh Ben-ghe-la. 0,25 <p>+ Sự thích nghi của động, thực vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực vật: hạn chế sự thoát hơi nước như biến lá thành gai hoặc bọc sáp, dự trữ nước trong cây như xương rồng. 0,50 - Một số loài cây có thân lùn, rễ to, dài để hút nước dưới sâu. 0,25 - Động vật: Vùi mình trong cát hoặc húc đá kiếm ăn ban đêm, khả năng chịu đói khát đi xa tìm thức ăn. 0,50 <p>+ Hoạt động kinh tế của con người: Chăn nuôi du mục, vận chuyển hàng hóa, định cư trong ốc đảo, khai thác dầu,... 0,50</p>	
Câu 2		3 điểm
	<p>+ Đặc điểm khí hậu Châu phi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Châu Phi có khí hậu nóng khô hạn nhất thế giới. 0,50 - Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C. 0,25 - Lượng mưa ít và giảm dần về hai chí tuyến hình thành nhiều hoang mạc lớn. 0,50 <p>+ Lãnh thổ châu Phi có nhiều hoang mạc là do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu ảnh hưởng của khối khí chí tuyến nóng khô. 0,25 - Ảnh hưởng của các dòng biển lạnh. 0,25 - Lãnh thổ rộng lớn có địa hình cao nên ảnh hưởng của biển khó vào sâu trong đất liền nên ít mưa. 0,50 - Ảnh hưởng của khối khí khô từ lục địa Á-Âu xuống. 0,25 <p>+ Hạn chế hoang mạc mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng rừng và bảo vệ rừng. 0,25 - Khai thác nước ngầm để trồng trọt. 0,25 	
Câu 3		3 điểm
	<p>+ Khí hậu Châu Á phân chia thành nhiều đới khác nhau vì lãnh thổ Châu Á trải dài từ cực Bắc đến xích đạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các đới khí hậu lại phân chia thành nhiều kiểu là do lãnh thổ rộng, phần đất liền 41,5 triệu km². 0,50 - Các dãy núi và sơn nguyên cao ngăn chặn ảnh hưởng của biển vào nội địa. 0,50 - Các sơn nguyên cao khí hậu còn thay đổi theo chiều cao. 0,50 <p>+ Miền Bắc Việt Nam và Tây Á cùng chung vĩ độ nhưng Tây Á có nhiều hoang mạc do không có sự hoạt động của khí hậu nhiệt đới gió mùa (hoặc miền Bắc Việt Nam không có hoang mạc do có sự hoạt động của khí hậu nhiệt đới gió mùa). 1,00</p>	
Câu 4		3 điểm
	<p>+ Tính chất nhiệt đới của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với Đồng bằng sông Hồng bị giảm sút mạnh là do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhiều đợt gió mùa Đông Bắc từ phía Bắc và trung tâm Châu Á tràn xuống. 0,50 - Ở vị trí tiếp giáp vùng ngoại chí tuyến, á nhiệt đới Hoa Nam. 0,50 - Không có địa hình che chắn các dãy núi cánh cung mở rộng về phía Bắc tạo điều kiện 0,50 	

	<p>cho gió mùa Đông Bắc lấn sâu vào.</p> <p>+ Ảnh hưởng của địa hình đến hướng chảy, chế độ nước của sông ngòi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng chảy của sông theo hướng Tây Bắc – Đông Nam và hướng vòng cung. 0,25 - Hướng Tây Bắc –Đông Nam gồm các sông: sông Hồng, sông Chảy, sông Lô. 0,25 - Hướng vòng cung gồm các sông: sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam. 0,25 <p>+ Chế độ nước của sông ngòi: có hai mùa, một mùa lũ và một mùa cạn. Mùa lũ trùng với mùa mưa, mùa cạn trùng với mùa khô. 0,75</p>	
Câu 5		2 điểm
	<p>a. Vẽ biểu đồ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hệ trục tọa độ. 0,25 - Trục tung ghi đại lượng, trục hoành ghi năm. 0,25 - Chiều ngang các cột bằng nhau, đầu cột ghi số dân. 0,25 - Tên biểu đồ. 0,25 <p>b. Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số nước ta tăng nhanh. 0,25 - Trong vòng 49 năm dân số nước ta tăng 57,1 triệu người . 0,25 - Bình quân tăng mỗi năm 1,2 triệu người. 0,25 - Dân số năm 2003 tăng gấp 3,4 lần năm 1954 . 0,25 	
Câu 6		3 điểm
	<p>a. Những nguyên nhân chủ yếu làm cạn kiệt nhanh chóng tài nguyên khoáng sản nước ta:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chức năng quản lý chưa tốt, tự do khai thác bừa bãi (than, vàng, sắt, thiếc,...) 0,25 - Kỹ thuật khai thác lạc hậu, hàm lượng quặng có nhiều trong chất thải bỏ. 0,25 - Thăm dò khai thác không chính xác về trữ lượng, hàm lượng làm cho khai thác khó khăn và đầu tư lãng phí. 0,50 <p>b. Ý nghĩa của giai đoạn Tân kiến tạo đối với sự phát triển lãnh thổ Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao địa hình làm cho núi non sông ngòi trẻ lại. 0,25 - Hình thành các cao nguyên badan và các đồng bằng phù sa trẻ . 0,25 - Mở rộng Biển Đông, tạo các bể dầu khí ở thềm lục địa và đồng bằng châu thổ. 0,25 - Quá trình tiến hóa của giới sinh vật. 0,25 <p>c. Nêu cách phòng chống lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đắp đê bao hạn chế lũ nhỏ. 0,25 - Tiêu lũ ra vùng biển phía Tây. 0,25 - Làm nhà nổi, làng nổi sống chung với lũ. 0,25 - Xây dựng các khu dân cư ở các vùng đất cao, để hạn chế tác hại do lũ gây ra . 0,25 	
Câu 7		3 điểm
	<p>a. Công nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước 1975 phụ thuộc nước ngoài. 0,25 - Ngày nay sản xuất công nghiệp phát triển mạnh, cơ cấu đa dạng gồm các ngành: khai thác dầu, cơ khí điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến lương thực thực phẩm,... 0,25 - Trung tâm công nghiệp của vùng là thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bà Rịa-Vũng Tàu. 0,25 - Thành phố Hồ Chí Minh chiếm 50 % sản lượng công nghiệp của vùng. 0,25 <p>b. Nông nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trồng cây công nghiệp quan trọng trong cả nước (cây cao su). 0,25 + Cây công nghiệp lâu năm: cao su, cà phê, hồ tiêu,... cây công nghiệp hàng năm: mía, đậu, thuốc lá,... 0,25 + Chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp. 0,25 + Đánh bắt nuôi trồng thủy sản phát triển. 0,25 <p>c. Dịch vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng gồm: hoạt động thương mại, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch,... 0,25 - Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối giao thông của vùng, của cả nước. 0,25 - Thu hút mạnh vốn đầu tư của nước ngoài. 0,25 - Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm du lịch lớn nhất nước. 0,25 	